

Bản án số: 433/2020/HNGĐ -ST

Ngày: 04-8-2020

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

2/ Bà Vũ Thị Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Quý – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Tánh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 879/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2020/QĐ-HPT ngày 07 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị Thùy T, sinh năm: 1984; địa chỉ: 980/4 đường H, Phường L, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trương Phước Anh T, sinh năm: 1985; địa chỉ: 980/4 đường H, Phường L, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/9/2019, bản tự khai ngày 10/01/2020, 08/6/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn, bà Ngô Thị Thùy T trình bày: bà và ông Trương Phước Anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 135, do Ủy ban nhân dân Phường L, Quận 6 cấp ngày 05/8/2010. Khi về chung sống với nhau thì thời gian đầu vợ chồng bà sống hạnh phúc. Từ năm 2018 ông T đã chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác. Tuy nhiên, đến tháng 5/2019 bà mới phát hiện ra việc này, ông T hứa sẽ chấm dứt mối quan hệ với người phụ nữ này và bà cũng đã cho ông T cơ hội để khắc phục sửa chữa nhưng đến thời

điểm hiện tại ông T vẫn chưa chấm dứt mối quan hệ với người phụ nữ đó. Do vậy, đến tháng 9/2019 bà đã dọn ra sống riêng. Tuy nhiên, đến tháng 12/2019 thì bà quay trở lại sống chung một nhà với ông T để chăm sóc con chung. Từ tháng 9/2019 cho đến nay thì vợ chồng bà đã sống ly thân với nhau không ai còn quan tâm đến ai. Nay bà xác định bà không còn tình cảm vợ chồng với ông Trương Phước Anh T nên bà yêu cầu ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: bà và ông Trương Phước Anh T có với nhau 03 (ba) người con chung tên là: Trương Hoàn Mỹ A, sinh ngày: 07/10/2011, Trương Ngọc Bảo A, sinh ngày: 25/01/2014 và Trương Phước Nhật A, sinh ngày: 10/02/2015.

Bà yêu cầu được nuôi dưỡng hai trẻ: Trương Hoàn Mỹ A và Trương Ngọc Bảo A. Giao trẻ Trương Phước Nhật A cho ông Trương Phước Anh T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có

Bị đơn ông Trương Phước Anh T vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tham gia tố tụng. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: bà Ngô Thị Thùy T và ông Trương Phước Anh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010 và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy, hôn nhân giữa bà T và ông T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Theo bà T trình bày thì vợ chồng mâu thuẫn từ tháng 5/2019 nguyên nhân là do bà phát hiện ông T có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài từ năm 2018. Từ tháng 9/2019 đến nay thì vợ chồng bà T đã sống ly thân với nhau. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì ông T cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến và hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà T và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị, Hội đồng xét xử cho bà T được ly hôn với ông T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung: giao hai trẻ Trương Hoàn Mỹ A, sinh ngày: 07/10/2011, Trương Ngọc Bảo A, sinh ngày: 25/01/2014 cho bà Trình nuôi dưỡng; giao trẻ Trương Phước Nhật A, sinh ngày: 10/02/2015 cho ông Trương Phước Anh T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: bà Trình khai không có nên không đề cập giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Bà Ngô Thị Thùy T có đơn yêu cầu ly hôn với ông Trương Phước Anh T nên Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý và giải quyết theo khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn ông Trương Phước Anh T vắng mặt nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập ông T đến Tòa án để tự khai; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa. Nhưng tại phiên tòa hôm nay ông Trương Phước Anh T vẫn tiếp tục vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Theo như lời trình bày của bà Ngô Thị Thùy T thì vào tháng 5/2019 bà phát hiện ông T đã chung sống như vợ chồng với một người phụ nữ khác từ năm 2018. Ông T hứa là sẽ chấm dứt mối quan hệ này và bà cũng đã cho ông T thời gian để sửa chữa lỗi lầm nhưng sau đó ông T vẫn không sửa đổi. Mặc dù vẫn sống chung một nhà nhưng giữa bà và ông T không ai còn quan tâm đến ai. Từ tháng 9/2019 đến nay thì bà và ông T đã sống ly thân với nhau. Vợ chồng bà không ai còn tình cảm với nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy, Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...” nhưng giữa vợ chồng ông T và bà T đã không có sự chung thủy, tôn trọng, quan tâm, thương yêu và chăm sóc lẫn nhau. Theo như bà T trình bày thì từ tháng 9/2019 đến nay thì vợ chồng bà đã sống ly thân với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Trương Phước Anh T đến Tòa để trình bày ý kiến và đề nghị động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông T đều vắng mặt. Điều này chứng tỏ ông T cũng không còn tha thiết để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà Ngô Thị Thùy T và ông Trương Phước Anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định cho bà Ngô Thị Thùy T được ly hôn với ông Trương Phước Anh T là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Theo bà Ngô Thị Thùy T trình bày thì trong thời gian sống chung bà và ông Trương Phước Anh T có với nhau 03 (ba) người con chung tên là: Trương Hoàn Mỹ A, sinh ngày: 07/10/2011, Trương Ngọc Bảo A, sinh ngày: 25/01/2014 và Trương Phước Nhật A, sinh ngày: 10/02/2015. Nay bà yêu cầu được nuôi dưỡng hai trẻ: Trương Hoàn Mỹ A và Trương Ngọc Bảo A. Giao trẻ Trương Phước Nhật A cho ông Trương Phước Anh T nuôi dưỡng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con, trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi...*”. Tại đơn trình bày nguyện vọng ngày 08/6/2020 của trẻ Trương Hoàn Mỹ A thì trẻ Mỹ A có nguyện vọng được sống chung với mẹ.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T về vấn đề hôn nhân, con chung, cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung. Xét thấy, việc nuôi dưỡng chăm sóc con chưa thành niên là trách nhiệm chung của cả cha và mẹ. Tại phiên tòa hôm nay, bà T có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai trẻ Mỹ A và Bảo A. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ Trương Hoàn Mỹ A, sinh ngày: 07/10/2011 và trẻ Trương Ngọc Bảo A, sinh ngày: 25/01/2014 cho bà T nuôi dưỡng đến khi trẻ trưởng thành.

Giao trẻ Trương Phước Nhật A, sinh ngày: 10/02/2015 cho ông Trương Phước Anh T nuôi dưỡng đến khi trẻ trưởng thành

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nếu có tranh chấp sẽ giải quyết trong một vụ án khác.

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Ngô Thị Thùy T nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Ngô Thị Thùy T được ly hôn với ông Trương Phước Anh T

Giấy chứng nhận kết hôn số 135 do Ủy ban nhân dân Phường L, Quận 6 cấp ngày 05/8/2010 cho bà Ngô Thị Thùy T và ông Trương Phước Anh T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: - Giao hai trẻ Trương Hoàn Mỹ A, sinh ngày: 07/10/2011 và trẻ Trương Ngọc Bảo A, sinh ngày: 25/01/2014 cho bà Ngô Thị Thùy T nuôi dưỡng đến khi trẻ trưởng thành.

- Giao trẻ Trương Phước Nhật A, sinh ngày: 10/02/2015 cho ông Trương Phước Anh T nuôi dưỡng đến khi trẻ trưởng thành.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết

Bà Ngô Thị Thùy T và ông Trương Phước Anh T có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho nhau khi đôi bên đến thăm nom, chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con khi cần thiết đôi bên đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Nếu có tranh chấp sẽ giải quyết trong một vụ án khác

5. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Ngô Thị Thùy T nộp được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011930 ngày 24/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6. Bà T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6
- Ủy ban nhân dân P12, Q6
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Nhàn

Giấy chứng nhận kết hôn số 135 do Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 6 cấp ngày 05/8/2010 cho bà Ngô Thị Thùy Trinh và ông Trương Phước Anh Tuấn không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: - Giao hai trẻ Trương Hoàn Mỹ Anh, sinh ngày: 07/10/2011 và trẻ Trương Ngọc Bảo Anh, sinh ngày: 25/01/2014 cho bà Ngô Thị Thùy Trinh nuôi dưỡng đến khi trẻ trưởng thành.

- Giao trẻ Trương Phước Nhật Anh, sinh ngày: 10/02/2015 cho ông Trương Phước Anh Tuấn nuôi dưỡng đến khi trẻ trưởng thành.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết

Bà Ngô Thị Thùy Trinh và ông Trương Phước Anh Tuấn có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho nhau khi đôi bên đến thăm nom, chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con khi cần thiết đôi bên đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Nếu có tranh chấp sẽ giải quyết trong một vụ án khác

5. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Ngô Thị Thùy Trinh nộp được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà Trinh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011930 ngày 24/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6. Bà Trinh đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào lúc giờphút, ngày 04 tháng 8 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA